TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT
Ngày 10 - 5 - 2022
"V/v tranh chấp thừa kế, hủy Quyết định cá biệt, tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Mỹ H

Bà Thái Thị Hồng V

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 80/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "tranh chấp thừa kế, hủy Quyết định cá biệt, tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Trần Văn C , sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 1, xã N huyện Ngh , Nghệ An. Có mặt hết phần hỏi, tự bỏ về phần tranh luận;

- *Bị đơn*: chị Trần Thị H , sinh năm 1976; địa chỉ: xóm 1, xã Nghi L , huyện N , tỉnh Nghệ An. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H : ông Nguyễn Quang H – Luật sư, Văn phòng luật sư số 1, Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện N. Có mặt;

2. Chị Trương Thị L , sinh năm 1979 (vợ anh C); địa chỉ: xóm 1, xã Nghi L , huyện N , tỉnh Nghệ An . Có mặt hết phần hỏi, tự bỏ về phần tranh luận;

3. Anh Võ Văn Th , sinh năm 2001 (Con chị H); địa chỉ: xóm 1, xã Nghi L , huyện N , tỉnh Nghệ An. Có mặt;

4. Ông Trần Văn V , sinh năm 1959 và bà Trần Thị H , sinh năm 1964 (Vợ ông V); địa chỉ: xóm 1, xã Nghi L , huyện N , tỉnh Nghệ An. Đều vắng mặt;

- *Người kháng cáo*: Chị Trần Thị H , bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Văn C trình bày:

Bố mẹ anh Trần Văn C là bà Nguyễn Thị L (Chết năm 1988) và ông Trần Văn G (Chết năm 2008) sinh được 2 người con là anh Trần Văn C và chị Trần Thị H. Sau khi mẹ chết, ba bố con tiếp tục ở trên mảnh đất cũ, nhưng đến năm 1997 thì ông G bán lại cho ông Nguyễn Văn K sau đó mua thửa đất 896 của ông V bà H với giá 2.500.000 đồng (trong đó, ông G góp 900.000 đồng, chị H góp 1.600.000 đồng). Khi mua trên đất có ngôi nhà, nhưng sau này thì bị dột và sập hết; còn đất vừa xấu lại vừa cao. Thời điểm đó chị H vào miền Nam làm ăn, đến năm 1999, chị H kết hôn và chuyển về xã Nghi Mỹ sinh sống với chồng còn lại hai bố con anh C tiếp tục ở trên thửa đất. Năm 2008, ông G chết để lại Di chúc với nội dung; giao toàn bộ đất đai, nhà cửa cho anh C toàn quyền sử dụng (bản photo mà Tòa án đã thu thập được từ ông Trần Xuân H đúng là bản Di chúc mà anh C đã nộp khi giải quyết tranh chấp đất đai tại xóm). Di chúc này ông G bố anh C nhờ người khác viết hộ vì ông G không biết chữ. Sau khi ông G chết, anh C sống một mình, bệnh tật, nghèo khổ, nhà cửa dột nát, đổ sập nên xóm, cha xứ tH tình xây cho ngôi nhà Đại đoàn kết để ở. Sau khi xây xong nhà, anh C kết hôn với chị Trương Thị L và vợ chồng chung sống trên thửa đất từ đó đến nay. Năm 2011, chị H ly hôn chồng và quay về Nghi Lâm xây nhà trên đất mà ông G đã di chúc lại cho anh C với diện tích 281m^2. Ngoài ra, có 1 phần đất về phía Tây 18m^2 hiện đang do ông H Đức T và ông Nguyễn Văn H sử dụng. Năm 2018, chị H và ông V, bà H cấu kết với nhau làm thủ tục bán thửa đất 896 cho chị H để chiếm đoạt đất. Nay anh C yêu C Tòa án phân chia thừa kế thửa đất số 896, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 12) tại xóm 1 xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo hướng chia toàn bộ đất cho anh theo Di chúc. Đồng thời yêu C Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL142508 do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp ngày 25/01/2018 cho chị Trần Thị H. Đối với 11m^2 đất và 7m^2 hiện ông T và ông H đang sử dụng thì anh C không buộc họ phải trả lại và không yêu C tòa án giải quyết. Anh C không

chấp nhận yêu C phản tố của chị H.

Chị Trương Thị L (Vợ anh C) thống nhất các quan điểm của anh C và không đồng ý trả lại đất theo yêu C phản tố của chị Trần Thị H.

Trong Đơn yêu C phản tố đề ngày 21/5/2021, quá trình giải quyết tranh chấp chị Trần Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H trình bày:

Bố mẹ chị H là ông G, bà L, trước đây có thửa đất, nhưng sau khi bà L mẹ chị H chết, ông G đã bán cho ông Nguyễn Văn K từ năm 1997. Ông G là người bị mù mắt phải, mắt trái thì nhìn không rõ, không được học hành gì nên không biết chữ. Bà L chết năm 1988, cuộc sống vô cùng khổ cực nên chị H phải bỏ học, vào miền Nam làm người giúp việc. Thời điểm chị H đang làm thuê, ông G tự ý bán mảnh đất cũ và xin ở nhờ nhà ông V, bà H (là họ hàng), thửa đất đang tranh chấp. Trước tình cảnh như vậy, chị H đã tH lượng và được ông V, bà H bán nhà đất tại thửa số 896 với giá 2.500.000 đồng và chị H đã gom tiền trả đầy đủ cho ông T bố của ông V khi đang làm thuê ở miền Nam; ông G không đóng góp gì vào việc mua đất. Năm 1999, chị H lấy chồng, chuyển về Nghi Mỹ sinh sống và để lại nhà đất cho bố cùng em trai là anh C ở. Năm 2008, ông G chết, nhà dột nát, sụp đổ, anh C đau ốm bệnh tật nên xóm tH tình xây nhà Đại đoàn kết, chị H cũng đóng góp 5.000.000 đồng. Sau khi xóm bàn giao nhà cho hai chị em thì anh C trực tiếp ở và kết hôn với chị L vào năm 2009. Năm 2011, chị H ly hôn và quay về Nghi Lâm sinh sống thì bị anh C, chị L ngăn cấm. Được xóm hòa giải, năm 2013, chị H xây nhà trên khoảng 1/4 đất (diện tích xác định được là 281m^2); phần còn lại để vợ chồng anh C, chị L sử dụng nhưng mâu thuẫn vẫn căng thẳng. Chính vì không hòa giải được mâu thuẫn nên ông V, bà H đã quyết định tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất từ năm 1998 và đến ngày 25/01/2018, chị H được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL142508 đối với thửa số 21, tờ bản đồ số 12, diện tích 1330m^2 mang tên Trần Thị H. Mặc dù chị H đã được cấp Giấy hợp pháp nhưng có 18m^2 về phía Tây hiện 2 hộ liền kề là ông T và ông H sử dụng lấn sang. Chị khẳng định, thửa đất 896 (nay là thửa đất số 21) là tài sản thuộc quyền sử dụng của chị H thông qua việc nhận chuyển nhượng từ ông V, bà H chứ không phải là tài sản của ông G như ý kiến của anh C. Ông G và anh C, chị L chỉ là người ở nhờ trên nhà đất. Vì vậy, chị H không chấp nhận yêu C khởi kiện của anh C và đề nghị Tòa án buộc anh C, chị L phải trả lại 1.031m^2 đất (Ngoài 281m^2 chị H đang sử dụng), chị H đồng ý bồi hoàn trị giá ngôi nhà Đại đoàn kết và cây cối gắn liền trên đất cho anh C, chị L. Riêng 18m^2 về phía Tây ông H, ông T lấn chiếm chị H không yêu C Tòa án giải quyết mà để các gia đình tự thỏa thuận với nhau.

Anh Võ Văn Thức (Con chị H) thống nhất ý kiến của chị Trần Thị H. Anh Thức không có đóng góp gì vào thửa đất số 21 và không yêu C Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho mình.

Vợ chồng ông Trần Văn V và bà Trần Thị H thống nhất trình bày: Sau khi mua và chuyển đến ở nhà đất của ông Trần Văn T (Bố ông V), năm 1997 vợ chồng ông V, bà H đã đồng ý cho bố con ông Trần Văn G mượn nhà và thửa đất 896 ở nhờ. Tuy nhiên, quá trình ở nhờ, ông G có những việc làm để lại điều tiếng nên khi chị H ngỏ ý muốn mua lại nhà đất cho bố con ông G có chỗ ở thì vợ chồng ông V đồng ý bán rẻ cho chị H với giá 2.500.000 đồng. Thời điểm đó, chị H đang ở trong miền Nam và trả tiền cho ông T bố ông V để trừ nợ cho ông bà (do chị H giúp việc gần nhà ông T); việc mua bán này ông V là người trực tiếp viết giấy. Năm 2008, ông G chết, anh C bơ vơ, nhà cửa cũ bị hư hỏng, dột nát nên ông V nguyên xóm trưởng đã đứng ra vận động xóm làng góp tiền xây nhà Đại đoàn kết cho chị em anh C; chị H cũng góp 5.000.000 đồng. Xây nhà xong đã bàn giao cả hai chị em anh C, chị H sở hữu, sử dụng chung. Năm 2011, chị H ly hôn quay về lại Nghi Lâm sinh sống thì bị anh C, chị L xua đuổi. Xóm cũng đã cố gắng hòa giải, phân chia mỗi người ở một phần và chị H đã xây được nhà trên đất nhưng chị em vẫn tiếp tục mâu thuẫn khiến vợ chồng ông không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất. Năm 2017, ông V, bà H được UBND huyện Nghi Lộc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đổi số hiệu là thửa 21, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.330m^2) và vợ chồng ông V, bà H quyết định sang tên hợp pháp cho chị H theo giao kết từ năm 1998. Hiện chị H đã được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp. Ông V, bà H khẳng định, không bán cho ông G thửa đất mà chỉ bán nhà đất cho chị H, người trả tiền cũng là chị H.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc - ông Nguyễn Thế H trình bày: Năm 2017, ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị H được cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận QSD đất số CH 02330, số phát hành CH 877907 đối với thửa số 21, tờ bản đồ số 12 gồm 200m^2 đất ở và 1.130m^2 đất trồng cây lâu năm (đất vườn gắn liền đất ở). Ngày 27/12/2017 ông V, bà H chuyển nhượng cho chị H toàn bộ diện tích 1.330m^2 nói trên đã được UBND xã Nghi Lâm chứng thực giấy tờ khác L quan đã thẩm định. Ngày 25/01/2018 UBND huyện Nghi Lộc đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho chị Trần Thị H có số phát hành CL 142508, diện tích 1.330m^2, trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây lâu năm (đất vườn gắn liền đất ở) 1.130m^2, tại thửa số 21, tờ bản đồ số 12. Việc UBND huyện cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho ông V và bà H năm 2017, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2018 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu C khởi kiện của nguyên đơn, UBND huyện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An quyết định: Áp dụng Điều 4; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu C khởi kiện chia thừa kế và hủy Quyết định cá biệt của nguyên đơn anh Trần Văn C.

2. Chấp nhận yêu C phản tố của bị đơn chị Trần Thị H:

2.1. Buộc anh Trần Văn C, chị Trương Thị L trả lại 327m^2 đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 12 tại xóm 1 xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 142508 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 25/01/2018 cho chủ sử dụng chị Trần Thị H.

Chị Trần Thị H có quyền sử dụng 628m^2 đất về phía Đông thửa 21 và sở hữu 6 cây mít, 8 cây na, 3 cây chanh trên phần đất được trả lại. Phần đất được định vị như sau: Phía Bắc giáp phần đất trích chia cho anh C, chị L, kích thước 35,4m; Phía Nam giáp thửa số 39, kích thước 35m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa 21 do ông H Đức T và ông Nguyễn Văn H đang sử dụng 12,05m+5,54m; Phía Đông giáp đường kích thước 18,12m.

2.2. Trích công sức bảo quản, giữ gìn tài sản cho anh Trần Văn C và chị Trương Thị L 684m^2 đất thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 12 tại xóm 1 xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Phần đất được định vị như sau: Phía Bắc giáp phần thửa đất số 01, kích thước 30,14m+2,92m; Phía Nam giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của chị H, kích thước 35,4m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa 21 do ông Nguyễn Văn H đang sử dụng 6,05m và giáp thửa 20 kích thước 13,77m; Phía Đông giáp đường, kích thước 12,02m + 6,8m.

Chị H, anh C, chị L có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục phân chia quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Ngày 21 tháng 8 năm 2021, chị Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án: Buộc vợ chồng anh C, chị L phải trả lại toàn bộ diện tích thửa đất; chị H sẽ T toán toàn bộ trị giá ngôi nhà đại đoàn kết, các công trình, cây cối trên đất mà anh C, chị L tạo lập

trên đất để tạo lập nơi ở khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh C, chị L tự bỏ về sau khi chuyển sang phần tranh luận. Về nội dung: Xét nguồn gốc tạo lập đối với thửa đất, công sức quản lý, cấp sơ thẩm trích công sức cho vợ chồng anh C, chị L diện tích đất quá lớn, mà không buộc trích trị giá chênh lệch về đất cho chị H, cần trích khoảng 400m^2 phần đất có ngôi nhà để gia đình anh C có nơi ở. Nhưng đề nghị cần định giá lại tài sản tranh chấp để có cơ sở giải quyết tranh chấp. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có một số tH sót cần rút K nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H; kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Đối với việc định giá lại tài sản, tại phiên tòa chị H không yêu C, vợ chồng anh C, chị L hoàn cảnh quá khó khăn và tại sơ thẩm cũng không có yêu C thẩm định, định giá. Do đó việc định giá lại tài sản tranh chấp là không cần thiết và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi ích của các bên đương sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Trần Thị H: Diện tích thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc, căn cứ số mục kê, bản đồ địa chính 299 thuộc thửa đất 896, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.200m^2 (200m^2 đất ở, 1000m^2 đất vườn) tại xóm 2 (nay là xóm 1) xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Trần Văn V, bà Trần Thị H. Gia đình ông Trần Văn G, chị H, anh C trước đây có nhà, đất ở tại thửa đất khác; năm 1997 ông G (Bố chị H, anh C) đã bán nhà, đất cho ông Nguyễn Văn K. Sau khi bán đất, do có quan hệ họ hàng và tH hoàn cảnh ông G, nên vợ chồng ông V, bà H cho bố con ông G ở tại thửa đất nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông V, bà H xác định thửa đất mà vợ chồng ông V cho gia đình ông G mượn ở năm 1997. Năm 1998, vợ chồng ông V, bà H viết giấy chuyền nhượng thửa đất cho chị Trần Thị H và đã nhận đủ số tiền 2.500.000 đồng do chị H giao lại (thông qua ông T, bố ông V). Đến năm 2018 ông V, bà H, tiếp tục hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho

chị H và đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 142508 ngày 25/01/2018, thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.330m^2 mang tên Trần Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự và vợ chồng ông V, bà H đều xác định và thừa nhận; Mặc dù diện tích thửa đất vợ chồng ông V, bà H chuyển nhượng cho chị Trần Thị H, nhưng trên thực tế gia đình ông G, anh C, chị H sử dụng từ năm 1997. Hơn nữa, sau khi ông G chết (năm 2008) chị H lấy chồng ở nơi khác, anh C lấy vợ và vợ chồng tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất và tài sản trên đất. Năm 2013 chị H ly hôn chồng, mẹ con về lại cũng chỉ yêu C vợ chồng anh C, chị L trích lại 1 phần diện tích đất (xác định được 281m^2) để có nơi ở.

Như vậy, trong thời gian sử dụng thửa đất từ năm 1997 ông G, và vợ chồng anh C, chị L có công quản lý, duy trì và làm nghĩa vụ đối với nhà nước về đất từ năm 1997. Mặt khác, căn cứ thực trạng diện tích đất và các loại tài sản trên đất; hoàn cảnh thực tế của vợ chồng anh C, chị L rất khó khăn, hiện đang ở trong ngôi nhà đại đoàn kết và vợ chồng anh C không thể có điều kiện để tạo lập nơi ở khác. Hơn nữa quá trình tranh chấp từ năm 2013, chị H cũng chỉ yêu C nhận ¼ diện tích thửa đất để có nơi ở, phần còn lại nhường lại cho các em. Cấp sơ thẩm trích một phần diện tích thửa đất và ngôi nhà cấp bốn trên đất cho vợ chồng anh C chị L có nơi ở là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu C của chị H về yêu C buộc vợ chồng anh C, chị L phải trả lại toàn bộ diện tích thửa đất. Đối với diện tích 18m^2 do các hộ liền kề lấn chiếm anh C, chị H chưa yêu C, nên Tòa án chưa xem xét.

Tuy nhiên, xét nguồn gốc thửa đất chủ yếu do chị H bỏ ra nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông V, bà H và đã được UBND huyện Nghi Lộc công nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm trích công sức quản lý, tôn tạo diện tích đất cho anh Trần Văn C, chị Trương Thị L 684m^2 (Diện tích lớn hơn diện tích của chị Trần Thị H) là chưa phù hợp. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng; vợ anh C, chị L phải trả cho chị H diện tích đất tăng lên và chị H được sở hữu, sử dụng các loại cây trồng, một cái giếng không còn giá trị sử dụng và phần gạch lát sân trên phần diện tích anh C, chị L trả lại mà không phải T toán giá trị tài sản trên đất cho anh C, chị L.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị H được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa chị H là người yêu C và đã nộp tạm ứng chi phí, tự nguyện chịu toàn bộ (Đã thực hiện xong) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Thị H, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu C khởi kiện chia thừa kế và hủy Quyết định cá biệt của anh Trần Văn C.

2. Chấp nhận một phần nội dung yêu C phản tố của chị Trần Thị H.

2.1. Buộc anh Trần Văn C, chị Trương Thị L trả lại 397m^2 đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 12 tại xóm 1 xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 142508 do UBND huyện Nghi Lộc cấp ngày 25/01/2018 cho chủ sử dụng chị Trần Thị H.

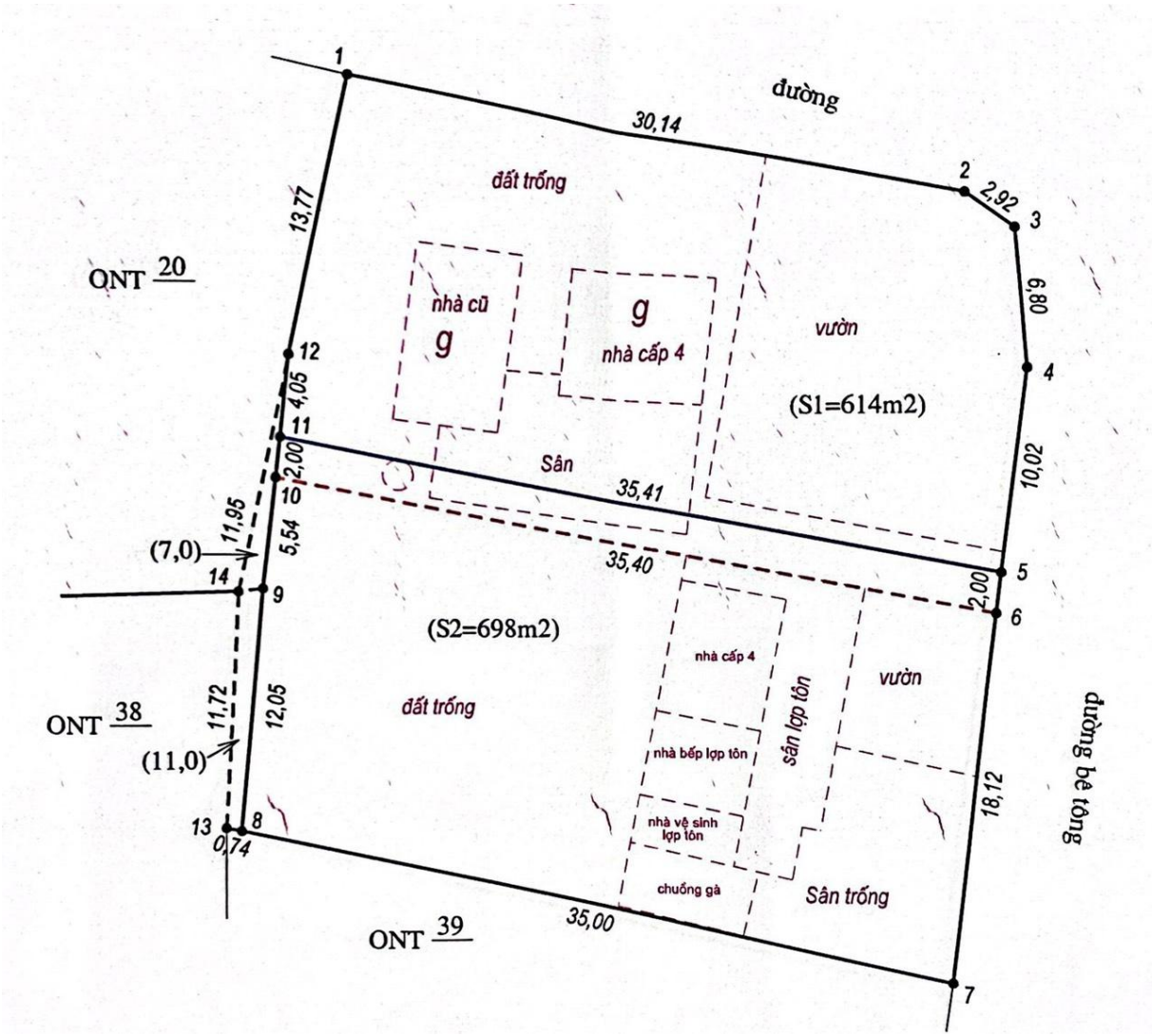
Chị Trần Thị H được quyền sử dụng 698m^2 đất (Trong đó, 100m^2 đất ở, 598m^2 đất vườn) về phía Đông thửa 21 và sở hữu các tài sản trên phần đất được trả lại (06 cây mít,8 cây na, 03 cây chanh, 01 giếng hỏng, và phần gạch lát sân). Phần đất được định vị bởi các điểm 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 5. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất trích chia cho anh C, chị L, kích thước 35,41m; Phía Nam giáp thửa số 39, kích thước 35m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa 21 do ông H Đức T và ông Nguyễn Văn H đang sử dụng 12,05m + 7,54m; Phía Đông giáp đường, kích thước 20,12m.

2.2. Chị Trần Thị H phải trích công sức quản lý, tôn tạo đất cho anh Trần Văn C và chị Trương Thị L 614m^2 đất (Trong đó, 100m^2 đất ở, 514m^2 đất vườn) thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 12 tại xóm 1 xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Phần đất được định vị bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 11, 12, 1. Có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 01, kích thước 30,14m+2,92m; Phía Nam giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của chị H, kích thước 35,41m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa 20 do ông Nguyễn Văn H đang sử dụng 4,05m và giáp thửa 20 kích thước 13,77m; Phía Đông giáp đường, kích thước 10,02m+6,8m.

Chị Trần Thị H và vợ chồng anh Trần Văn C, chị Trương Thị L, là những người đang quản lý, sử dụng diện tích thửa đất, tài sản trên đất có nghĩa vụ thực hiện việc phân chia quyền sử dụng đất và giao tài sản trên đất theo quyết định của bản án. Chị H, anh C, chị L có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của

pháp luật về đất đai.

Sơ đồ phân chia đất được thể hiện như sau:



3. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: miễn án phí cho anh Trần Văn C và chị Trương Thị L. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo biên lai tiền số AA/2019/0005190 ngày 26/5/2021.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho chị Trần Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu số AA/2019/0005229 ngày 15/9/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ph